

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

(đã được soát xét)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04 - 05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06 - 38
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

CÔNG TY

Tiền thân Công ty là Chi nhánh Dịch vụ Du lịch Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, được thành lập theo Quyết định số 205/QĐ-UB ngày 10/10/1988 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Quyết định số 287/QĐ-UB ngày 17/08/1990 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Chi nhánh Dịch vụ Du lịch Quận 11 được chuyển thành Công ty Dịch vụ Du lịch Phú Thọ trực thuộc Ủy ban Nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Quyết định số 5518/QĐ-UB ngày 31/12/2002 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Dịch vụ Du lịch Phú Thọ được chuyển thành doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn. Theo Quyết định số 2397/QĐ-UBND ngày 26/05/2006 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Dịch vụ Du lịch Phú Thọ được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0301074118 cấp lần đầu ngày 21/07/2006.

Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301074118 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 21 tháng 07 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 17 tháng 05 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 15 Đường số 2, Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Việt Anh	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Đông Hòa	Thành viên	
Ông Nguyễn Quốc Anh	Thành viên	
Ông Nguyễn Tiến Đạt	Thành viên	
Ông Phương Xuân Thụy	Thành viên	
Ông Nguyễn Lâm Tùng	Thành viên	
Ông Hoàng Văn Bá	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06/05/2022
Ông Trần Quốc Tuấn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 06/05/2022

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Quốc Anh	Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Văn Bá	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Song Trọng Chinh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Quốc Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 06/05/2022

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Nguyên	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 04/01/2022
	Thành viên	
Bà Hồ Thị Ngọc Như	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Thu Tâm	Thành viên	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Nguyễn Quốc Anh

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2022

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ được lập ngày 12 tháng 08 năm 2022, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 30d - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ, liên quan đến nội dung của Hợp đồng quản lý - khai thác kinh doanh Khách sạn Ngọc Lan số 16/2019/HĐQLKT ngày 17/06/2019 với Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Hùng Đại Dương, khoản phải thu tại ngày 31/12/2021 và 30/06/2022 số tiền là 9.619.339.517 VND của công ty này đang được trình bày trên khoản mục Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5) chưa được đối chiếu xác nhận, Công ty cũng chưa xem xét ghi nhận doanh thu và khoản phải thu tương ứng từ hợp đồng này vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Bảng cân đối kế toán giữa niên độ kỳ này. Với các tài liệu hiện có và các thủ tục soát xét đã thực hiện, chúng tôi chưa thể đánh giá được các ảnh hưởng của vấn đề này tới Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo tài chính giữa niên độ đến các vấn đề sau:

- Tại Thuyết minh số 13 - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty đang phân bổ phần còn lại của Lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa Công ty vào ngày 16/05/2016 theo phương pháp đường thẳng trong vòng 03 năm kể từ ngày Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 có hiệu lực thi hành ngày 30/11/2020.
- Tại Thuyết minh số 30a - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ, liên quan đến việc truy thu tiền thuê đất trong giai đoạn trước cổ phần hóa và từ thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần ngày 17/05/2016, Công ty đã thực hiện các nghĩa vụ tiền thuê đất với Nhà nước theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII theo Báo cáo kiểm toán Quyết toán giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần tại Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du Lịch Phú Thọ (nay là Công ty Cổ phần Dịch vụ Du Lịch Phú Thọ), tuy nhiên phía Chi cục thuế Quận 11 cũng đã ban hành các Quyết định có liên quan về việc truy thu thuế cho các thời điểm trùng với thời điểm Kiểm toán Nhà nước đã ra kết luận. Theo Công văn số 6208/CTTPHCM – KTTE ngày 23/06/2021, Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh đã chấp thuận cho khoanh nợ khoản truy thu tiền thuê đất trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để chờ quyết toán cổ phần hóa Công ty, không tính tiền phạt chậm nộp Công ty và giao Chi cục Thuế Quận 11 làm việc với Công ty về đối chiếu số liệu tiền thuê đất (do Chi cục Thuế Quận 11 đã ban hành thông báo và số truy thu tiền thuê đất của Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII).
- Tại Thuyết minh số 30c - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ, đến thời điểm hiện tại, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chưa phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ. Theo đó một số nội dung có liên quan bao gồm khoản công nợ phải thu Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV số tiền 70.224.591.554 VND đang được theo dõi và trình bày trên khoản mục Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7); các vấn đề về tranh chấp thương mại liên quan đến Trung tâm thương mại Bowling Đầm Sen (Thuyết minh số 30b) cũng sẽ phụ thuộc vào giá trị quyết toán cổ phần hóa từ Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Các vấn đề cần nhấn mạnh này không thay đổi kết luận soát xét ngoại trừ nêu trên của chúng tôi.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ đã được kiểm toán và soát xét bởi Kiểm toán viên của Công ty TNHH PwC (Việt Nam). Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về công nợ với Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Hùng Đại Dương đối với Báo cáo tài chính năm tại ngày 29/06/2022 và kết luận ngoại trừ về công nợ với Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV đối với Báo cáo tài chính giữa niên độ tại ngày 12/08/2021.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Ngô Minh Quý

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2434-2018-002-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		606.396.057.538	536.317.193.726
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	9.771.210.048	2.108.022.470
111	1. Tiền		9.771.210.048	2.108.022.470
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	459.750.000.000	400.050.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		459.750.000.000	400.050.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		110.607.184.590	107.744.471.150
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	16.233.103.317	14.570.347.183
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	995.871.693	729.327.244
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	94.901.434.980	93.985.223.123
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.542.123.000)	(1.559.324.000)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		18.897.600	18.897.600
140	IV. Hàng tồn kho	09	2.289.684.875	2.239.668.426
141	1. Hàng tồn kho		2.289.684.875	2.239.668.426
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		23.977.978.025	24.175.031.680
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	1.599.644.630	791.180.795
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	1.005.517.490
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	22.378.333.395	22.378.333.395
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		457.683.030.055	499.767.794.328
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		13.111.452.999	13.111.452.999
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	05	240.000.000	240.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	07	19.911.452.999	19.911.452.999
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(7.040.000.000)	(7.040.000.000)
220	II. Tài sản cố định		104.890.760.183	120.011.588.766
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	104.198.111.393	119.234.399.934
222	- Nguyên giá		571.024.732.627	569.949.995.725
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(466.826.621.234)	(450.715.595.791)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	692.648.790	777.188.832
228	- Nguyên giá		31.014.392.390	31.014.392.390
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(30.321.743.600)	(30.237.203.558)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		9.383.880.302	9.219.407.575
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	9.383.880.302	9.219.407.575
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	296.044.652.690	314.044.652.690
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		253.277.125.000	253.277.125.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		33.605.592.683	33.605.592.683
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(838.064.993)	(838.064.993)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		10.000.000.000	28.000.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		34.252.283.881	43.380.692.298
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	34.252.283.881	43.380.692.298
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.064.079.087.593	1.036.084.988.054

0111
CƠ
KHÁCH H
HÀNG
F
HOÀ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		99.129.905.770	51.503.345.542
310	I. Nợ ngắn hạn		95.427.905.770	48.999.345.542
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	8.176.616.263	3.850.919.711
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	43.131.508.528	5.024.975.411
314	3. Phải trả người lao động		3.026.150.000	3.661.578.739
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	7.310.909.132	4.769.090.948
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17	200.221.416	233.054.745
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	33.519.152.443	31.339.978.000
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		63.347.988	119.747.988
330	II. Nợ dài hạn		3.702.000.000	2.504.000.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	3.702.000.000	2.504.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		964.949.181.823	984.581.642.512
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	964.949.181.823	984.581.642.512
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.186.840.000.000	1.186.840.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.186.840.000.000	1.186.840.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		69.686.924.280	69.686.924.280
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(291.577.742.457)	(271.945.281.768)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(271.945.281.768)	(181.306.630.680)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		(19.632.460.689)	(90.638.651.088)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		<u>1.064.079.087.593</u>	<u>1.036.084.988.054</u>


Trần Thị Thu Hương
Người lập

Huỳnh Ngọc Cách
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Anh
Tổng Giám đốc


TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	112.375.444.906	38.530.409.724
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		112.375.444.906	38.530.409.724
11	4. Giá vốn hàng bán	22	128.938.856.255	107.644.473.789
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(16.563.411.349)	(69.114.064.065)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	15.628.191.453	28.654.457.882
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	24	2.903.674.559	2.372.535.010
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	15.819.515.939	11.487.201.724
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(19.658.410.394)	(54.319.342.917)
31	11. Thu nhập khác		27.249.161	39.737.650
32	12. Chi phí khác		1.299.456	648.000
40	13. Lợi nhuận khác		25.949.705	39.089.650
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(19.632.460.689)	(54.280.253.267)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>(19.632.460.689)</u>	<u>(54.280.253.267)</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	(165)	(457)


Trần Thị Thu Hương
Người lập


Huỳnh Ngọc Cách
Kế toán trưởng


Nguyễn Quốc Anh
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(19.632.460.689)	(54.280.253.267)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		16.195.565.485	21.180.249.910
03	- Các khoản dự phòng		(17.201.000)	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(15.628.191.453)	(28.654.457.882)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(19.082.287.657)	(61.754.461.239)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(951.246.224)	(10.055.931.780)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(50.016.449)	432.319.586
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		47.685.335.228	28.714.809.899
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		8.319.944.582	5.901.658.072
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(56.400.000)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		35.865.329.480	(36.761.605.462)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.239.209.629)	(3.172.599.242)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(173.500.000.000)	(155.500.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		131.800.000.000	168.000.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		14.739.442.727	23.921.204.046
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(28.199.766.902)	33.248.604.804
	III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(2.375.000)	(25.697.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(2.375.000)	(25.697.500)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		7.663.187.578	(3.538.698.158)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		2.108.022.470	5.398.795.969
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	03	<u>9.771.210.048</u>	<u>1.860.097.811</u>


Trần Thị Thu Hương
Người lập


Huỳnh Ngọc Cách
Kế toán trưởng




Nguyễn Quốc Anh
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tiền thân Công ty là Chi nhánh Dịch vụ Du lịch Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, được thành lập theo Quyết định số 205/QĐ-UB ngày 10/10/1988 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Quyết định số 287/QĐ-UB ngày 17/08/1990 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Chi nhánh Dịch vụ Du lịch Quận 11 được chuyển thành Công ty Dịch vụ Du lịch Phú Thọ trực thuộc Ủy ban Nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Quyết định số 5518/QĐ-UB ngày 31/12/2002 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Dịch vụ Du lịch Phú Thọ được chuyển thành doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn. Theo Quyết định số 2397/QĐ-UBND ngày 26/05/2006 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Dịch vụ Du lịch Phú Thọ được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0301074118 cấp lần đầu ngày 21/07/2006.

Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301074118 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 21 tháng 07 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 17 tháng 05 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 15 Đường số 2, Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 1.186.840.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 1.186.840.000.000 VND; tương đương 118.684.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 388 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 414 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Tổ chức kinh doanh các dịch vụ du lịch vui chơi giải trí, văn hóa nghệ thuật, thể dục thể thao, dịch vụ du lịch sinh thái rừng ngập mặn;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn;
- Kinh doanh nhà hàng, ăn uống;
- Kinh doanh xông hơi xoa bóp, karaoke;
- Kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành quốc tế, nội địa.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong 6 tháng đầu năm 2022, tình hình dịch Covid-19 đã được kiểm soát nhờ tỷ lệ bao phủ vắc-xin cao, các chính sách hỗ trợ nhằm hồi phục kinh tế được thông qua trong đó có ngành du lịch, kéo theo đó là nhu cầu vui chơi giải trí tăng mạnh sau thời gian dài giãn cách xã hội, dẫn đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty được phục hồi mạnh. Tuy nhiên, với đặc thù hoạt động kinh doanh phụ thuộc vào tình hình dịch bệnh và chính sách kiểm soát dịch bệnh của cơ quan quản lý nhà nước, nên diễn biến phức tạp của Covid-19 vẫn tiềm ẩn rủi ro với hoạt động của Công ty.

Cấu trúc doanh nghiệp Các đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ	Số 79 Đường Hòa Bình, Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh
Trung tâm Dịch vụ Du lịch Đầm Sen	Số 03 Đường Hòa Bình, Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh
Khách sạn Phú Thọ	915 Đường 3 Tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh
Khu du lịch sinh thái Rừng ngập mặn Vàm Sát	Xã Lý Nhơn, huyện Cần Giuộc, Thành phố Hồ Chí Minh
Công viên văn hóa Đầm Sen	Số 03 Đường Hòa Bình, Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh
Khách sạn Ngọc Lan	Số 293 và số 295/1 Đường Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

Thông tin về công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 07	năm
- Phương tiện vận tải	03 - 07	năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05	năm
- Các tài sản khác	04 - 15	năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05	năm

2.10 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.11 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện hoạt động BCC, tùy theo từng trường hợp kế toán tiếp tục thực hiện đối với các hình thức cụ thể như sau:

a) Đối với BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát

Các bên tham gia liên doanh cùng mở sổ kế toán chi tiết trên cùng hệ thống sổ kế toán của mình để ghi chép và phản ánh trong Báo cáo tài chính của mình những nội dung sau đây:

- Phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát, được phân loại theo tính chất của tài sản;
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của mỗi bên tham gia góp vốn liên doanh;
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh;
- Các khoản thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng sản phẩm được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh;
- Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Khi tài sản đồng kiểm soát đi vào hoạt động, BCC chuyển sang hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát, mỗi bên tham gia liên doanh được nhận sản phẩm hoặc doanh thu từ việc sử dụng và khai thác tài sản đồng kiểm soát và chịu một phần chi phí phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng.

THA
TOÁN
C
TP H

b) Đối với BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Các bên tham gia liên doanh cùng mở sổ kế toán để ghi chép và phản ánh trong Báo cáo tài chính của mình các nội dung sau đây:

- Tài sản góp vốn liên doanh và chịu sự kiểm soát của bên góp vốn liên doanh;
- Các khoản nợ phải trả phải gánh chịu;
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh;
- Chi phí phải gánh chịu.

Các bên thực hiện phân chia doanh thu từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh, phân chia chi phí chung theo các thỏa thuận trong Hợp đồng liên doanh.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian dưới 03 năm.
- Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ trong 10 năm kể từ ngày cổ phần hóa theo Thông tư số 127/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 05/09/2014 từ ngày phát sinh lợi thế kinh doanh và Công văn số 13956/CT-TTHT ngày 21/11/2019 do Cục thuế TP.HCM ban hành về chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN. Từ năm 2021, Công ty phân bổ phần còn lại trong 3 năm theo Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ban hành ngày 30/11/2020 có hiệu lực thi hành và Công văn số 3255/CTTPHCM-TTHT ngày 08/04/2022 do Cục thuế TP.HCM ban hành trả lời câu hỏi của Công ty về chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng dưới 36 tháng.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: tiền thuê đất... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ massage...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên: Các quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

2.18 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động chủ yếu bao gồm cho thuê mặt bằng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.19 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

- a) Chi phí thuế TNDN hiện hành
Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.
- b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành
Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

2.21 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.23 . Thông tin bộ phận

Do hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh dịch vụ vui chơi giải trí và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	1.736.536.000	613.159.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.008.699.048	1.482.714.470
Tiền đang chuyển	25.975.000	12.149.000
	<u>9.771.210.048</u>	<u>2.108.022.470</u>

17
CỔ
HỮU
NG
A
DAP

Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ
15 Đường số 2, Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn ⁽¹⁾	459.750.000.000	-	400.050.000.000	-
Đầu tư dài hạn	10.000.000.000	-	28.000.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn ⁽²⁾	10.000.000.000	-	28.000.000.000	-
	469.750.000.000	-	428.050.000.000	-

(1) Tại ngày 30/06/2022, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 12 tháng đến 13 tháng, được gửi tại các ngân hàng thương mại cổ phần, với tổng số tiền 459.750.000.000 VND, lãi suất từ 4,60%/năm đến 7,10%/năm.

(2) Tại ngày 30/06/2022, các khoản đầu tư tài chính dài hạn là tiền gửi có kỳ hạn gốc 13 tháng, được gửi tại các ngân hàng thương mại cổ phần, với tổng số tiền 10.000.000.000 VND, với lãi suất 7,10%/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen ⁽¹⁾	253.277.125.000	191.882.749.900	-	253.277.125.000
Đầu tư vào đơn vị khác	33.605.592.683	-	(838.064.993)	33.605.592.683
Công ty Cổ phần Sài Gòn Đà Lạt ⁽²⁾	29.442.390.096	-	-	29.442.390.096
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Đồng Hà ⁽³⁾	4.163.202.587	-	(838.064.993)	4.163.202.587
	286.882.717.683	191.882.749.900	(838.064.993)	286.882.717.683
				205.863.647.200
				(838.064.993)

(1) Giá gốc của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen được xác định lại theo phương án chuyển đổi Công ty thành công ty cổ phần được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt theo Quyết định số 6321/QĐ-UBND ngày 30/11/2015.

(2) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2022 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	Thành phố Hồ Chí Minh	33,54%	33,54%	Kinh doanh công viên giải trí

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên kết trong kỳ: Xem Thuyết minh số 32.

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Sài Gòn Đà Lạt	Tỉnh Lâm Đồng	13,67%	13,67%	Dịch vụ nhà hàng, khách sạn
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Đồng Hà	Tỉnh Quảng Trị	3,23%	3,23%	Dịch vụ nhà hàng, khách sạn

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Hùng Đại Dương	9.619.339.517	(129.182.800)	9.619.339.517	(129.182.800)
Công ty TNHH Chăm sóc Sức khỏe Nhất phẩm Hoàng Gia	2.471.730.400	(1.235.865.200)	2.471.730.400	(1.235.865.200)
Các khoản phải thu khách hàng khác	4.382.033.400	(417.075.000)	2.719.277.266	(434.276.000)
	16.473.103.317	(1.782.123.000)	14.810.347.183	(1.799.324.000)
b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán				
Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	16.233.103.317	(1.542.123.000)	14.570.347.183	(1.559.324.000)
Các khoản phải thu khách hàng dài hạn	240.000.000	(240.000.000)	240.000.000	(240.000.000)
	16.473.103.317	(1.782.123.000)	14.810.347.183	(1.799.324.000)
c) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan	69.838.000	-	10.700.000	-

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 32)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Môi trường Dương Long	489.153.135	-	489.153.135	-
Công ty Cổ phần Hoàng Ngọc	180.000.000	-	-	-
Các đối tượng khác	326.718.558	-	240.174.109	-
	995.871.693	-	729.327.244	-

7 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-	6.078.651.000	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	20.882.246.300	-	13.914.846.574	-
Phải thu người lao động	2.073.066	-	16.433.064	-
Phải thu BHXH, BHYT, BHTN	240.346.500	-	241.599.000	-
Tạm ứng	229.715.000	-	22.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	30.039.825	-	197.679.196	-
Phải thu Tổng công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV ⁽¹⁾	70.224.591.554	-	70.224.591.554	-
Tiền thuê đất giai đoạn trước cổ phần hóa ⁽²⁾	2.728.877.249	-	2.728.877.249	-
Phải thu khác	563.545.486	-	560.545.486	-
	94.901.434.980	-	93.985.223.123	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	1.518.000.000	-	1.518.000.000	-
Phải thu liên quan đến Trung tâm thương mại Bowling Đầm Sen ⁽³⁾	18.393.452.999	(6.800.000.000)	18.393.452.999	(6.800.000.000)
	19.911.452.999	(6.800.000.000)	19.911.452.999	(6.800.000.000)
c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan	70.224.591.554	-	70.224.591.554	-

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 32)

(1) Số tiền phải thu Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn – TNHH MTV (“Tổng công ty”) bao gồm khoản 82.876.659.723 VND lợi nhuận chưa phân phối đã nộp về cho Tổng Công ty giảm trừ cho khoản 12.652.068.169 VND lãi chậm nộp cho việc không kịp thời nộp lợi nhuận còn lại về Tổng công ty, được kiến nghị xử lý tài chính theo Báo cáo Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII ngày 18 tháng 6 năm 2020 và Công văn số 319/KV XIII – TH ngày 23 tháng 7 năm 2021 do Kiểm toán nhà nước khu vực XIII trả lời cho Công ty về việc xem xét không truy thu các khoản nộp Ngân sách nhà nước và nộp cấp trên. Tổng Công ty đã có Công văn số 475/CV-TCT ngày 22/04/2022 và đã xác nhận nghĩa vụ tài chính với Công ty, theo đó sẽ giảm số tiền phải nộp về Tổng Công ty số tiền 70.224.591.554 VND và khoản nợ này sẽ được xử lý khi quyết toán cổ phần hóa tại Công ty.

(2) Số dư bao gồm 2.168.870.000 VND tiền thuê đất của Khu đất Công viên Đầm Sen, số 3 Hòa Bình, Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 16/05/2016 và 560.007.249 VND tiền thuê đất của Khu Du lịch Sinh thái Rừng Ngập mặn Vàm Sát, Huyện Cần Giuộc, Thành phố Hồ Chí Minh cho giai đoạn từ 2010 đến ngày 16/05/2016 được thông báo căn cứ theo Công văn số 250a/KV IV-TH ngày 03/05/2019 của Kiểm toán Nhà nước khu vực IV gửi Kho bạc Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh về việc kiến nghị tăng thu Ngân sách Nhà nước qua kiểm toán chuyên đề “Việc Quản lý, sử dụng Đất trong và sau Quá trình Cổ phần hóa của Doanh nghiệp Nhà nước Giai đoạn 2011 - 2017 trên Địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh”. Ngày 05/08/2019, Công ty đã thông báo Tổng Công ty số tiền thuê đất bổ sung của giai đoạn trước Cổ phần hóa này theo Thông báo số 097/CV-2019. Việc tất toán tiền thuê đất này vẫn đang chờ chỉ đạo xử lý tài chính từ Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Tổng Công ty.

(3) Khoản công nợ liên quan đến việc tranh chấp thương mại tại Trung tâm Thương mại Bowling Đầm Sen. (Xem thêm thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 30b).

8 . NỢ XẤU

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Hùng Đại Dương (*)	9.619.339.517	9.490.156.717	9.619.339.517	9.490.156.717
Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt	6.600.000.000	-	6.600.000.000	-
Công ty TNHH Chăm sóc Sức khỏe Nhất phẩm Hoàng Gia	2.471.730.400	1.235.865.200	2.471.730.400	1.235.865.200
Các khoản khác	617.390.000	315.000	661.792.000	27.516.000
	19.308.459.917	10.726.336.917	19.352.861.917	10.753.537.917

(*) Giá trị có thể thu hồi của khoản công nợ này chưa tính đến ảnh hưởng của việc công ty này chưa xác nhận nghĩa vụ nợ tại thời điểm 30/06/2022 và 31/12/2021. (Xem thêm thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 30d).

9 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.577.748.730	-	1.374.965.705	-
Hàng hoá	711.936.145	-	864.702.721	-
	2.289.684.875	-	2.239.668.426	-

Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ
15 Đường số 2, Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỜ DANG

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công viên Đầm Sen	7.242.099.563	7.077.626.836
Khu du lịch sinh thái Rừng ngập mặn Vàm Sát	336.969.699	336.969.699
Các dự án khác	1.804.811.040	1.804.811.040
	<u>9.383.880.302</u>	<u>9.219.407.575</u>

11 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	332.007.091.365	197.095.926.814	29.851.404.786	5.135.691.081	5.859.881.679	569.949.995.725
- Mua trong kỳ	-	-	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000
- Tăng theo Báo cáo kiểm toán giá trị quyết toán công trình	74.736.902	-	-	-	-	74.736.902
Số dư cuối kỳ	<u>332.081.828.267</u>	<u>197.095.926.814</u>	<u>30.851.404.786</u>	<u>5.135.691.081</u>	<u>5.859.881.679</u>	<u>571.024.732.627</u>
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	258.180.196.302	157.469.700.945	28.200.495.059	2.504.448.696	4.360.754.789	450.715.595.791
- Khấu hao trong kỳ	10.019.039.110	4.915.491.346	226.435.169	385.976.264	564.083.554	16.111.025.443
Số dư cuối kỳ	<u>268.199.235.412</u>	<u>162.385.192.291</u>	<u>28.426.930.228</u>	<u>2.890.424.960</u>	<u>4.924.838.343</u>	<u>466.826.621.234</u>
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	73.826.895.063	39.626.225.869	1.650.909.727	2.631.242.385	1.499.126.890	119.234.399.934
Tại ngày cuối kỳ	<u>63.882.592.855</u>	<u>34.710.734.523</u>	<u>2.424.474.558</u>	<u>2.245.266.121</u>	<u>935.043.336</u>	<u>104.198.111.393</u>
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 275.124.080.579 VND. (Tại ngày 30/06/2021 là 219.884.377.452 VND).						

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Tài sản cố định vô hình khác (*) VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	3.489.643.663	27.524.748.727	31.014.392.390
Số dư cuối kỳ	<u>3.489.643.663</u>	<u>27.524.748.727</u>	<u>31.014.392.390</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	2.712.454.831	27.524.748.727	30.237.203.558
- Khấu hao trong kỳ	84.540.042	-	84.540.042
Số dư cuối kỳ	<u>2.796.994.873</u>	<u>27.524.748.727</u>	<u>30.321.743.600</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	777.188.832	-	777.188.832
Tại ngày cuối kỳ	<u>692.648.790</u>	<u>-</u>	<u>692.648.790</u>

(*) Đây là các khoản chi phí giải tỏa mặt bằng tại Công viên văn hóa Đầm Sen phát sinh từ năm 1999 đến năm 2002 và đã được khấu hao hết trước giai đoạn xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty.

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 29.999.912.390 VND.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	624.886.488	249.501.655
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	572.157.432	-
Chi phí sửa chữa	183.925.690	292.478.200
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	218.675.020	249.200.940
	<u>1.599.644.630</u>	<u>791.180.795</u>
b) Dài hạn		
Lợi thế kinh doanh ⁽¹⁾	25.854.456.144	34.979.558.316
Chi phí khấu hao Trung tâm Thương mại Bowling Đầm Sen ⁽²⁾	6.995.003.594	6.995.003.594
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	557.862.516	670.041.731
Chi phí sửa chữa	398.354.444	239.895.812
Chi phí trả trước dài hạn khác	446.607.183	496.192.845
	<u>34.252.283.881</u>	<u>43.380.692.298</u>

(1) Lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 30/06/2014 và đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt theo Quyết định số 6040/QĐ-UBND ngày 17/11/2015. Công ty phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh còn lại trong vòng 03 năm kể từ ngày Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 có hiệu lực.

(2) Chi phí khấu hao của tài sản cố định dùng cho hoạt động kinh doanh Bowling tại Trung tâm Thương mại Bowling Đầm Sen giai đoạn từ năm 1998 đến năm 2010. (Xem thêm thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 30b).

Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ
15 Đường số 2, Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÀN HẠN

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Chương Dương	1.271.805.033	1.271.805.033	1.220.958.598	1.220.958.598
Phải trả các đối tượng khác	6.904.811.230	6.904.811.230	2.629.961.113	2.629.961.113
	8.176.616.263	8.176.616.263	3.850.919.711	3.850.919.711
b) Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan				
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 32)	12.246.297	12.246.297	-	-

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ		Số phải nộp đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	-	5.678.178.821	-	2.861.712.761	-	2.816.466.060	-	-	-	2.816.466.060
Thuế Tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	390.188.542	-	321.167.607	-	69.020.935	-	-	-	69.020.935
Thuế Thu nhập doanh nghiệp (*)	22.378.333.395	-	-	-	-	-	-	22.378.333.395	-	-	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	14.553.425	-	139.382.654	-	128.095.629	-	25.840.450	-	-	-	25.840.450
Thuế Tài nguyên	-	1.355.200	-	9.733.360	-	9.436.560	-	1.652.000	-	-	-	1.652.000
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	5.009.066.786	-	47.535.326.046	-	12.325.863.749	-	40.218.529.083	-	-	-	40.218.529.083
Các loại thuế khác	-	-	-	10.053.031	-	10.053.031	-	-	-	-	-	-
	22.378.333.395	5.024.975.411	53.762.862.454	15.656.329.337	22.378.333.395	43.131.508.528						

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

(*) Số dư phát sinh từ việc hạch toán ghi nhận tiền thuế đất truy thu theo Báo cáo Kiểm toán Quyết toán Giá trị phần vốn Nhà nước giai đoạn từ ngày 01/07/2014 đến ngày 16/05/2016. (Xem thêm thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 30a).

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Chi phí thuê nhà, đất	7.310.909.132	4.769.090.948
	<u>7.310.909.132</u>	<u>4.769.090.948</u>

17 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Doanh thu thẻ Massage	130.913.291	130.004.201
Doanh thu cho thuê mặt bằng	63.272.725	101.454.541
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	6.035.400	1.596.003
	<u>200.221.416</u>	<u>233.054.745</u>

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	139.498.000	90.668.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	194.041.110	196.416.110
Phải trả về hoạt động góp vốn liên doanh với Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt (*)	29.118.387.913	29.118.387.913
Phải trả về hoạt động hợp tác kinh doanh	1.599.020.425	31.318.742
Tiền đặt cọc	876.442.657	749.400.875
Bảo hành công trình	611.816.013	825.950.035
Thủ lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	443.600.000	110.080.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	536.346.325	217.756.325
	<u>33.519.152.443</u>	<u>31.339.978.000</u>
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.702.000.000	2.504.000.000
	<u>3.702.000.000</u>	<u>2.504.000.000</u>

(*) Số dư chủ yếu là doanh thu từ việc cho thuê mặt bằng và kinh doanh Bowling tại Trung tâm Thương mại Bowling Đầm Sen từ năm 1998 đến năm 2010. Số dư này sẽ được xử lý khi Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyết định về số liệu quyết toán vốn nhà nước trong thời kỳ chuyển thể. (Xem thêm thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 30b)

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2021	1.186.840.000.000	69.686.924.280	(181.306.630.680)	1.075.220.293.600
Lỗ trong kỳ	-	-	(54.280.253.267)	(54.280.253.267)
Số dư tại 30/06/2021	<u>1.186.840.000.000</u>	<u>69.686.924.280</u>	<u>(235.586.883.947)</u>	<u>1.020.940.040.333</u>
Số dư tại 01/01/2022	1.186.840.000.000	69.686.924.280	(271.945.281.768)	984.581.642.512
Lỗ trong kỳ	-	-	(19.632.460.689)	(19.632.460.689)
Số dư tại 30/06/2022	<u>1.186.840.000.000</u>	<u>69.686.924.280</u>	<u>(291.577.742.457)</u>	<u>964.949.181.823</u>

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV	49,00	581.551.600.000	49,00	581.551.600.000
Công ty Cổ phần Sam Holdings	34,96	414.894.250.000	34,96	414.894.250.000
Các cổ đông khác	16,04	190.394.150.000	16,04	190.394.150.000
	<u>100</u>	<u>1.186.840.000.000</u>	<u>100</u>	<u>1.186.840.000.000</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	1.186.840.000.000	1.186.840.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	1.186.840.000.000	1.186.840.000.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ	196.416.110	223.301.110
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền		
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	(2.375.000)	(25.697.500)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	<u>194.041.110</u>	<u>197.603.610</u>

d) Cổ phiếu

	30/06/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	118.684.000	118.684.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	118.684.000	118.684.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	118.684.000	118.684.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng thuê đất, nhà tại Thành phố Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích làm địa điểm kinh doanh. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Chi tiết như sau:

STT	Địa chỉ	Diện tích	Thời hạn thuê
1	Số 79 - 83 Đường Hòa Bình, Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh	1.830 m2	Ngắn hạn hàng năm đến khi có quy hoạch
2	915 Đường 3 Tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh	399,7 m2	Ngắn hạn hàng năm đến khi có quy hoạch
3	Xã Lý Nhơn, huyện Cần Giuộc, Thành phố Hồ Chí Minh	57.500 m2	Gia hạn hàng năm
4	Số 03 Đường Hòa Bình, Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh	318.636 m2	Đến 01/01/2046
5	15 Đường số 2, Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh	578,8 m2	Gia hạn hàng năm
6	Số 293 và số 295/1 Đường Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh	1.180,5 m2	Gia hạn hàng năm

21 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	465.539.067	204.708.955
Doanh thu cung cấp dịch vụ	111.909.905.839	38.325.700.769
	112.375.444.906	38.530.409.724
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 32)	304.770.976	213.834.895

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	264.198.128	96.262.545
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	128.674.658.127	107.548.211.244
	128.938.856.255	107.644.473.789
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan Tổng giá trị mua vào (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 32)	428.524.070	44.000.909

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	15.628.191.453	18.523.372.882
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	10.131.085.000
	15.628.191.453	28.654.457.882
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính từ các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại Quyết minh số 32)</i>	-	10.131.085.000

24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Chi phí nhân công	849.740.705	777.145.291
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.053.933.854	1.595.389.719
	2.903.674.559	2.372.535.010

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	56.260.076	55.150.436
Chi phí nhân công	3.805.576.000	2.543.979.667
Chi phí khấu hao tài sản cố định	50.612.186	167.058.988
Hoàn nhập dự phòng	(17.201.000)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	739.467.755	1.144.934.873
Chi phí khác bằng tiền	2.059.698.750	2.484.270.754
Lợi thế kinh doanh	9.125.102.172	5.091.807.006
	15.819.515.939	11.487.201.724

26 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(19.632.460.689)	(54.280.253.267)
Các khoản điều chỉnh tăng	146.029.456	208.010.000
- Chi phí không hợp lệ	146.029.456	208.010.000
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(10.131.085.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(10.131.085.000)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(19.486.431.233)	(64.203.328.267)
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	-
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	(22.378.333.395)	(22.378.333.395)
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	(22.378.333.395)	(22.378.333.395)

27 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(19.632.460.689)	(54.280.253.267)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(19.632.460.689)	(54.280.253.267)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	118.684.000	118.684.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(165)	(457)

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

28 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YÊU TỐ

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.680.689.116	5.904.470.018
Chi phí nhân công	26.331.081.923	21.999.781.628
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.195.565.485	21.180.249.910
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.751.235.536	11.907.199.796
Chi phí khác bằng tiền	62.314.174.393	55.324.439.620
Lợi thế kinh doanh	9.125.102.172	5.091.807.006
	147.397.848.625	121.407.947.978

29 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền	9.771.210.048	-	2.108.022.470	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	131.285.991.296	(8.582.123.000)	128.707.023.305	(8.599.324.000)
Các khoản cho vay	469.750.000.000	-	428.050.000.000	-
	610.807.201.344	(8.582.123.000)	558.865.045.775	(8.599.324.000)
			Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2022		01/01/2022	
	VND		VND	
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán, phải trả khác			45.397.768.706	37.694.897.711
Chi phí phải trả			7.310.909.132	4.769.090.948
			52.708.677.838	42.463.988.659

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Tại ngày 30/06/2022				
Tiền	9.771.210.048	-	-	9.771.210.048
Phải thu khách hàng, phải thu khác	109.592.415.297	13.111.452.999	-	122.703.868.296
Các khoản cho vay	459.750.000.000	10.000.000.000	-	469.750.000.000
	<u>579.113.625.345</u>	<u>23.111.452.999</u>	<u>-</u>	<u>602.225.078.344</u>
Tại ngày 01/01/2022				
Tiền	2.108.022.470	-	-	2.108.022.470
Phải thu khách hàng, phải thu khác	106.996.246.306	13.111.452.999	-	120.107.699.305
Các khoản cho vay	400.050.000.000	28.000.000.000	-	428.050.000.000
	<u>509.154.268.776</u>	<u>41.111.452.999</u>	<u>-</u>	<u>550.265.721.775</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2022				
Phải trả người bán, phải trả khác	41.695.768.706	3.702.000.000	-	45.397.768.706
Chi phí phải trả	7.310.909.132	-	-	7.310.909.132
	<u>49.006.677.838</u>	<u>3.702.000.000</u>	<u>-</u>	<u>52.708.677.838</u>
Tại ngày 01/01/2022				
Phải trả người bán, phải trả khác	35.190.897.711	2.504.000.000	-	37.694.897.711
Chi phí phải trả	4.769.090.948	-	-	4.769.090.948
	<u>39.959.988.659</u>	<u>2.504.000.000</u>	<u>-</u>	<u>42.463.988.659</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

30 THÔNG TIN KHÁC

a) Truy thu tiền thuê đất

Trong năm 2020, 2021, Công ty đã nhận được Báo cáo kiểm toán từ Kiểm toán Nhà nước khu vực XIII và các thông báo truy thu tiền thuê đất từ Chi cục Thuế Quận 11, Chi cục Thuế Huyện Cần Giờ như sau:

Báo cáo Kiểm toán Quyết toán Giá trị phần vốn Nhà nước tại Thời điểm chính thức Chuyển thành Công ty Cổ phần tại Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ (nay là Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ)

Ngày 18/06/2020, Kiểm toán Nhà nước khu vực XIII phát hành Báo cáo Kiểm toán Quyết toán Giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần tại Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ (nay là Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ) ("Báo cáo Kiểm toán Quyết toán Giá trị phần vốn Nhà nước"), với thời kỳ kiểm toán từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp ngày 30/06/2014 đến thời điểm chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần ngày 16/05/2016.

Theo đó, đối với khoản tiền thuê đất truy thu, Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII kiến nghị Công ty nộp ngân sách Nhà nước tiền thuê đất được xác định tăng thêm là 209.413.504.962 VND, cụ thể:

- Truy thu tiền thuê đất từ ngày 01/07/2014 đến ngày 16/05/2016: 105.254.993.118 VND, đối với Khu đất Số 3 Hòa Bình, Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh (Công viên Đầm Sen);
- Truy thu tiền thuê đất từ ngày 17/05/2016 đến ngày 31/12/2019: 104.158.511.844 VND; trong đó số tiền truy thu lần lượt là 86.126.173.766 VND, 17.487.371.110 VND và 544.966.968 VND đối với khu đất Công viên Đầm Sen, Khu đất Công viên Nước Đầm Sen và Khu đất số 915 Đường 3/2, Thành phố Hồ Chí Minh ("Khu đất số 915").

Bên cạnh đó, Kiểm toán Nhà nước cũng tạm tính truy thu tiền thuê đất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2006 đến ngày 30/06/2014 đối với Khu đất Công viên Đầm Sen là 130.634.137.200 VND nhưng không đề nghị xử lý tài chính truy thu số tiền này. Số tiền này cũng đã tính vào giá trị doanh nghiệp để Cổ phần hóa và thụ hồi lại một phần khi phát hành cổ phiếu.

Các kiến nghị xử lý khác từ Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII như sau:

- Giảm lợi nhuận chưa phân phối giai đoạn chuyển thể nợ về Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV ("Tổng Công ty") với số tiền 75.271.406.874 VND do ảnh hưởng từ sự tăng lên của tiền thuế đất truy thu giai đoạn trước cổ phần hóa 105.254.993.118 VND, tăng khoản cổ tức phải nộp về Tổng Công ty 7.605.252.849 Đồng và thuế TNDN giảm trong giai đoạn này do thay đổi khác trong doanh thu, chi phí theo kết quả kiểm toán là 22.378.333.395 VND.
- Đề nghị Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chỉ đạo Công ty thực hiện nghiêm túc, kịp thời các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước tại Báo cáo Kiểm toán này; báo cáo kết quả thực hiện về Kiểm toán Nhà nước khu vực XIII trước ngày 31/10/2020. Trong Báo cáo Kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán cần nêu rõ: những kiến nghị đã thực hiện, kiến nghị đang thực hiện, kiến nghị chưa thực hiện (giải thích rõ lý do chưa thực hiện).

Thông báo truy thu tiền thuế đất từ Chi cục Thuế Quận 11 đã ban hành trong năm 2020, 2021 và 2022

Trong năm 2020, 2021 và 2022, các thông báo truy thu tiền thuế đất được Chi cục Thuế Quận 11 ban hành như sau:

- Thông báo số 337/TB-CCT ngày 31/03/2020 về việc nộp bổ sung tiền thuế đất từ ngày 01/01/1996 đến ngày 30/06/2014 số tiền 162.470.761.414 VND đối với khu đất Công viên Đầm Sen;
- Thông báo số 338/TB-CCT ngày 31/03/2020 về việc nộp bổ sung tiền thuế đất từ ngày 01/07/2014 đến ngày 16/05/2016 số tiền 40.117.912.033 VND đối với khu đất Công viên Đầm Sen;
- Thông báo số 1796/TB-CCT ngày 28/08/2020 về việc nộp bổ sung tiền thuế đất từ ngày 17/05/2016 đến ngày 01/07/2018 số tiền 2.187.394.031 VND đối với Khu đất Công viên Nước Đầm Sen;
- Thông báo số 713/TB-CCT ngày 21/05/2020 về việc nộp bổ sung tiền thuế đất từ ngày 17/05/2016 đến ngày 31/12/2019 số tiền 798.725.360 VND đối với Khu đất Số 915;
- Thông báo số 714/TB-CCT ngày 21/05/2020 về việc nộp bổ sung tiền thuế đất từ ngày 17/05/2016 đến ngày 31/12/2019 số tiền 1.286.757.180 VND đối với khu đất Số 79-83 Hòa Bình, Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh (Số 79-83 Hòa Bình");
- Thông báo số 170/TB-CCTQ11 ngày 03/02/2021 về việc nộp bổ sung tiền thuế đất từ ngày 17/05/2016 đến ngày 31/12/2019 số tiền 83.415.136.382 VND đối với khu đất Công viên Đầm Sen;
- Theo Quyết định số 84 đến 89/QĐ-CCT-CC ngày 09/03/2021 về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản/yêu cầu phong tỏa tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế tại Kho bạc Nhà nước, tổ chức tín dụng, Chi cục Thuế Quận 11 đã yêu cầu các ngân hàng trích tiền từ tài khoản/phong tỏa tài khoản của Công ty để thực hiện cưỡng chế số tiền chậm nộp tiền thuế là 8.142.251.112 VND;
- Thông báo số 1729/TB-CCTQ11 ngày 03/11/2021 thay thế Thông báo số 170/TB-CCTQ11 ngày 03/02/2021 về việc tạm nộp bổ sung theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước khu vực XIII tại Báo cáo kiểm toán Quyết toán Giá trị Phần vốn Nhà nước ngày 18/06/2020 cho giai đoạn từ ngày 17/05/2016 đến ngày 31/12/2019 với số tiền là 86.126.173.765 VND;
- Thông báo số 14195/TB-07-CCT ngày 26/01/2022 về việc Công ty còn nợ tiền thuế tính đến ngày 31/12/2021 là 64.346.926.769 VND và số tiền quá hạn nộp phải thực hiện cưỡng chế nợ thuế là 3.589.696.454 VND.

Thông báo truy thu tiền thuế đất từ Chi cục Thuế Huyện Cần Giờ đã ban hành trong năm 2020

Trong năm 2020, Chi cục Thuế Huyện Cần Giờ đã ban hành Thông báo số 659/TB-CCT ngày 28/07/2020 về việc nộp bổ sung tiền thuế đất giai đoạn từ ngày 15/05/2015 đến ngày 31/12/2019 số tiền 1.063.615.833 VND, đối với diện tích sử dụng đất 57.500 m² tại Khu Du lịch Sinh thái Rừng ngập mặn Vàm Sát.

Hạch toán kế toán cho các khoản trả tiền thuê đất truy thu theo các Thông báo truy thu tiền thuê đất và Báo cáo Kiểm toán Quyết toán Giá trị phần vốn Nhà nước

Công ty đã ghi nhận vào Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 như sau:

- **Hạch toán số truy thu tiền thuê đất vào Giá vốn hàng bán trong năm là 111.350.646.249 VND, bao gồm:**
 - + Giai đoạn từ ngày 17/05/2016 đến ngày 31/12/2019, số tiền truy thu từ Kiểm toán Nhà nước: 102.519.847.860 VND. Theo kiến nghị từ Báo cáo Kiểm toán Quyết toán Giá trị phần vốn Nhà nước, Công ty phải nộp về Ngân sách Nhà nước số tiền 104.158.511.844 VND, trong đó số tiền truy thu lần lượt là 86.126.173.766 VND - Khu đất Công viên Đầm Sen, 17.487.371.110 VND - Khu đất Công viên Nước Đầm Sen và 544.966.968 VND - Khu đất số 915. Tuy nhiên, theo Công văn số 160/CV-2020 ngày 15/10/2020 Công ty gửi đến Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII, Công ty đã nộp Ngân sách Nhà nước 798.725.360 VND cho Khu đất số 915 (Thông báo số 713/TB-CCT) và 1.093.697.016 VND cho Khu đất Công viên nước Đầm Sen (Thông báo số 1796/TB-CCT); do đó, Công ty đã hạch toán và nộp số tiền là 102.519.847.860 VND sau khi trừ đi khoản 544.966.968 VND và 1.093.697.016 VND như trên;
 - + Giai đoạn từ ngày 17/05/2016 đến ngày 31/12/2019, số tiền truy thu từ Chi cục Thuế Quận 11: 3.179.179.556 VND. Số tiền này bao gồm 798.725.360 VND cho Khu đất số 915 (Thông báo số 713/TB-CCT), 1.286.757.180 VND cho Khu đất số 79-83 Hòa Bình (Thông báo số 714/TB-CCT) và 1.093.697.016 VND cho khu đất Công viên nước Đầm Sen (Thông báo số 1796/TB CCT);
 - + Giai đoạn từ tháng 07/2018 đến tháng 12/2018, số tiền truy thu từ Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh: 4.588.003.000 VND cho Khu đất Công viên nước Đầm Sen (Thông báo số 14630/TB-CCT ngày 25/07/2019);
 - + Giai đoạn từ ngày 15/05/2015 đến ngày 31/12/2019, số tiền truy thu từ Chi cục Thuế Huyện Cần Giờ: 1.063.615.833 VND cho khu đất Khu Du lịch Sinh Thái Vàm Sát (Thông báo Số 659/TB-CCT).
- **Hạch toán số truy thu tiền thuê đất 105.254.993.118 VND theo Báo cáo Kiểm toán Quyết toán Giá trị phần vốn Nhà nước giai đoạn từ ngày 01/07/2014 đến ngày 16/05/2016 như sau:**
 - + Khoản phải thu từ Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn – TNHH MTV: 62.619.338.705 VND do ảnh hưởng từ sự tăng lên của tiền thuê đất truy thu giai đoạn trước cổ phần hóa số tiền 105.254.993.118 VND làm giảm lợi nhuận chưa phân phối đã nộp về Tổng Công ty; thuế TNDN giảm trong giai đoạn này do các thay đổi khác trong doanh thu, chi phí theo kết quả kiểm toán là 22.378.333.395 VND; sau khi cần trừ nghĩa vụ tài chính 7.605.252.849 VND số tiền phân bổ Cổ tức từ Công viên Nước Đầm Sen mà Công ty phải nộp về Tổng Công ty và 12.652.068.169 VND tương ứng với khoản lãi tiền chiếm dụng lợi nhuận chưa phân phối kể trên;
 - + Khoản phải thu Nhà nước số tiền 22.378.333.395 VND như trên;
 - + Hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm số tiền 20.257.321.018 VND; bao gồm 7.605.252.849 VND và 12.652.068.169 VND như trên.
- **Hạch toán tổng số tiền thuê đất truy thu trong năm Công ty đã nộp Nhà nước 212.017.636.367 VND, bao gồm:**
 - + Theo Báo cáo Kiểm toán Quyết toán Giá trị phần vốn Nhà nước số tiền 105.254.993.118 VND (giai đoạn từ 01/07/2014 đến 16/05/2016) và 102.519.847.860 VND (giai đoạn từ 17/05/2016 đến 31/12/2019);
 - + Theo Thông báo từ Chi cục Thuế Quận 11 số tiền 1.093.697.016 VND (Thông báo số 1796/TB-CCT); 798.725.360 VND (Thông báo số 713/TB-CCT) và 1.286.757.180 VND (Thông báo số 714/TB-CCT);
 - + Theo Thông báo từ Chi cục Thuế Huyện Cần Giờ số tiền 1.063.615.833 VND (Thông báo số 659/TB-CCT).

- Đối với khoản tiền truy thu của Chi cục Thuế Quận 11 theo Thông báo số 170/TB CCTQ11 và khoản tiền phạt chậm nộp theo Quyết định số 84-89/QĐ-CCT-CC, vào ngày 15/03/2021, Công ty đã làm đơn khiếu nại gửi Tổng cục Thuế, trong đó nêu rõ, Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ nộp truy thu tiền thuê đất theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước khu vực XIII giai đoạn từ ngày 01/07/2014 đến ngày 16/05/2016 và giai đoạn từ ngày 17/05/2016 đến ngày 31/12/2019 số tiền 207.774.840.978 VND vào ngày 12/10/2020. Tuy nhiên, Chi cục Thuế Quận 11 đã tự động cản trừ số tiền Công ty đã nộp theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII vào các thông báo do Chi cục Thuế Quận 11 ban hành trước kia.
- Ngày 19/03/2021, Công ty đã làm đơn khởi kiện gửi Tòa án Nhân dân Quận 11, TP. HCM đề nghị Tòa án Nhân dân Quận 11 giải quyết hủy bỏ các Thông báo truy thu tiền thuê đất số 337, 338/TB-CCT và 170/TB-CCTQ11. Theo Quyết định số 02/2021/QĐ-BPKCTT ngày 26/03/2021, Tòa án Nhân dân Quận 11 đã tạm đình chỉ việc thi hành Thông báo số 170/TB-CCTQ11 ngày 03/02/2021 của Chi cục Thuế Quận 11 về việc tạm nộp bổ sung tiền thuê đất từ ngày 17/05/2016 đến ngày 31/12/2019 số tiền 83.415.136.382 VND.

Công ty đã ghi nhận vào Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

- Theo Công văn số 6208/CTTPHCM – KTTĐ của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh ngày 23/06/2021, Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận cho khoanh nợ khoản truy thu tiền thuê đất trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp chờ quyết toán cổ phần hóa Công ty, không tính tiền phạt chậm nộp Công ty và giao Chi cục Thuế Quận 11 làm việc với Công ty về đối chiếu số liệu tiền thuê đất do Chi cục Thuế Quận 11 đã ban hành thông báo và số truy thu tiền thuê đất của Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII. Số tiền phạt Công ty chậm nộp tiền thuê đất đã bị cưỡng chế là 8.142.251.112 VND được cản trừ vào tiền thuê đất phải nộp năm 2021 của Công ty hoặc cản trừ khi quyết toán cổ phần hóa. Do đó, Công ty chưa hạch toán tiền truy thu tiền thuê đất.
- Ngày 23/07/2021, Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII đã ban hành Công văn số 319/KV XIII-TH đề phúc đáp công văn của Công ty về việc xem xét không truy thu các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước, nộp cấp trên. Trong đó có các điểm sau:
 - + Về việc không truy thu tiền thuê đất từ ngày 01/01/2006 đến ngày 30/06/2014 (trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa) và về việc truy thu tiền thuê đất Công viên Đầm Sen giai đoạn chuyển thể từ ngày 01/07/2014 đến ngày 16/05/2016: Sau khi xem xét, Kiểm toán Nhà nước cho rằng tổng các khoản nộp Ngân sách Nhà nước và các khoản phải nộp về Công ty mẹ trong thời kỳ chuyển đổi (từ ngày 01/07/2014 đến ngày 17/05/2016) sẽ không thay đổi.
 - + Về việc truy thu tiền thuê đất tại Công viên Nước Đầm Sen từ ngày 17/05/2016 đến ngày 01/07/2018: Kiểm toán Nhà nước cho rằng cơ quan thuế tính tiền thuê đất dựa trên đơn giá cũ là chưa phù hợp với các quy định do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành, dẫn đến sự chênh lệch giữa sổ của Kiểm toán Nhà nước kiến nghị và số Cơ quan Thuế thông báo.
 - + Về tiền Cổ tức được chia từ Công ty Cổ phần Công viên Nước Đầm Sen: Kiểm toán Nhà nước thống nhất không kiến nghị nộp về Công ty mẹ số tiền 7.605.252.849 VND tại Báo cáo Kiểm toán Quyết toán Giá trị Phần Vốn Nhà nước. Do đó, Công ty đã hạch toán làm tăng khoản phải thu Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV lên 70.224.591.554 VND.
 - + Về việc nộp trả Tổng Công ty khoản lãi tiền gửi từ việc chiếm dụng lợi nhuận phải nộp về Tổng Công ty để gửi ngân hàng lấy lãi: Kiểm toán Nhà nước thống nhất giảm kiến nghị nộp về Công ty mẹ số tiền 12.652.068.169 VND tại Báo cáo Kiểm toán Quyết toán Giá trị Phần Vốn Nhà nước, đồng thời bổ sung kiến nghị giao cho Tổng Công ty căn cứ các quy định pháp luật có liên quan để xác định chính xác số tiền lãi phải nộp về cho Tổng Công ty. Đến thời điểm hiện tại, Tổng Công ty vẫn chưa xác định số tiền lãi, nhưng để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, Công ty vẫn ghi nhận số tiền phải trả trên cho Tổng Công ty.
- Ngày 09/11/2021, trong Công văn số 1090/CCTQ11-TBTK của Chi cục Thuế Quận 11 gửi cho Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh, Chi cục Thuế đã thực hiện chỉ đạo của Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh: cản trừ số tiền chậm nộp 8.142.251.112 VND vào tiền thuê đất phải nộp năm 2021 theo Thông báo số 791/TB-CCTQ11 của Chi cục Thuế Quận 11 ngày 26/04/2021. Công ty theo đó đã hạch toán cản trừ khoản tiền này.

- Công ty đã gửi Công văn số 150/CV-2021 ngày 29/11/2021 và Công văn Số 017/CV-2022 ngày 22/02/2022 cho Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh và Chi cục Thuế Quận 11 để phản ánh việc Chi cục Thuế Quận 11 ban hành các Thông báo nộp tiền số 1729/TB-CCTQ11 ngày 03/11/2021, Thông báo tiền thuế nợ, tiền phạt và tiền chậm nộp số 14195/TB-07-CCT ngày 26/01/2021 là không thực hiện theo chỉ đạo của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thông báo cho Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh về việc khoan nợ tiền thuế đất truy thu tại Thông báo số 342/TB-VP ngày 04/05/2021 và Văn bản số 9212/VP-KT ngày 01/12/2021 (nội dung này được Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh thông báo lại Chi cục Thuế Quận 11 ở Công văn số 6208/CTTPHCM – KTTĐ ngày 23/06/2021). Do đó, đến thời điểm hiện tại, Công ty không hạch toán tiền thuế đất truy thu và tiền phạt chậm nộp.

b) Tranh chấp thương mại

Ngày 12/10/1996, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ ký Hợp đồng Hợp tác Liên doanh số 22/HĐ-96 với Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt ("Công ty Chí Đạt") để thành lập Trung tâm Thương mại Bowling Đầm Sen. Trong quá trình thực hiện, Công ty Chí Đạt có ký hai Hợp đồng thuê tài chính số K97006 và K98002 ngày 16/02/1998 với Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Kexim Việt Nam, tên cũ là Công ty Cho thuê Tài chính Kexim Việt Nam ("Công ty Kexim"). Trong năm 1999, Công ty Chí Đạt và Công ty Kexim xảy ra tranh chấp liên quan đến hai hợp đồng cho thuê tài chính nêu trên. Công ty Chí Đạt và Công ty Kexim đã đưa vấn đề tranh chấp này ra tòa án và Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ chịu trách nhiệm liên đới trong việc tranh chấp hai hợp đồng cho thuê tài chính nêu trên.

Theo Bản án số 27/2020/KDTM-PT ngày 25/06/2020, Tòa án Nhân dân Cấp cao Thành phố Hồ Chí Minh đã đưa ra các phán quyết sau:

- Công ty Kexim phải chịu trách nhiệm 50% tổng giá trị thiệt hại (số tiền là 2.022.082,725 USD); Công ty Chí Đạt và Công ty Phú Thọ cùng liên đới chịu trách nhiệm đối với 50% tổng giá trị thiệt hại còn lại. Tỷ lệ chịu trách nhiệm của Công ty Chí Đạt và Công ty sẽ căn cứ vào tỷ lệ thỏa thuận góp vốn ban đầu trong Hợp đồng Liên doanh số 22/HĐ-96 ngày 12/10/1996 (Công ty Chí Đạt: 70%, tương ứng với 707.728,952 USD và Công ty: 30%, tương ứng với 303.312,408 USD);
- Số tiền 127.772.000 VND đã thanh toán được chia theo tỷ lệ 70/30 để trừ vào số tiền phải trả của Công ty Chí Đạt và Công ty;
- Công ty được tự xử lý dây chuyền thiết bị hệ thống Bowling và các thiết bị kèm theo, theo danh mục tài sản kê biên kèm theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 308/BPTT-KT ngày 30/12/1999 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để giải phóng mặt bằng.

Trong năm 2020, Công ty đã chuyển trả tiền bồi thường cho Công ty Kexim số tiền 7.029.265.055 VND (tương ứng 303.312,408 USD) theo Quyết định số 3440/QĐ-CTHADS ngày 14/09/2020.

Theo Báo cáo kiểm toán Nhà nước về Quyết toán Giá trị phần vốn Nhà nước, các khoản phải thu, phải trả liên quan đến vấn đề này có thể ảnh hưởng đến số liệu quyết toán vốn nhà nước trong thời kỳ chuyển thể. Do đó, đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn đang hạch toán và theo dõi các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên Bảng cân đối kế toán, gồm Phải thu về hoạt động góp vốn liên doanh với Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt số tiền 18.393.452.999 VND (Thuyết minh số 7b), Chi phí khấu hao Trung tâm Thương mại Bowling Đầm Sen số tiền 6.995.003.594 VND (Thuyết minh số 13b) và Phải trả về hoạt động góp vốn liên doanh với Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt số tiền 29.118.387.913 VND (Thuyết minh số 18a).

c) Quyết toán cổ phần hóa

Ngày 30/11/2015, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ thuộc Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV thành Công ty cổ phần với vốn điều lệ 1.186.840.000.000 VND tương ứng 118.684.000 cổ phần theo Quyết định số 6321/QĐ-UBND. Từ ngày 17/05/2016, Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301074118 thay đổi lần thứ 12 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Đến thời điểm hiện tại, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh vẫn chưa phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ.

d) **Hoạt động kinh doanh Khách sạn Ngọc Lan**

Công ty thuê lại mặt bằng nhà, đất tại Số 293 và Số 295/1 Đường Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh từ Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh và đã thực hiện cải tạo nâng cấp thành Khách sạn Ngọc Lan. Năm 2019, Công ty và Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Hùng Đại Dương ("Công ty Hùng Đại Dương") cùng ký Hợp đồng quản lý - khai thác kinh doanh Khách sạn Ngọc Lan số 16/2019/HĐQLKT ngày 17/06/2019. Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, trong năm 2021 Công ty và Công ty Hùng Đại Dương đã ký Phụ lục hợp đồng để thay đổi đơn giá thuê tài sản và mức phân chia hợp đồng hợp tác. Cũng trong năm 2021, Hợp đồng thuê mặt bằng nhà, đất với Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh đã hết thời hạn theo đó Công ty phải bàn giao mặt bằng cho Thành ủy TP.HCM chậm nhất là 31/12/2021 theo tinh thần tại Công văn số 4270/CV-VPTU ngày 23/12/2021, tuy nhiên do giữa Công ty và Công ty Hùng Đại Dương chưa thỏa thuận thống nhất về các khoản nợ cũng như thời gian bàn giao nên chưa thực hiện hiện bàn giao lại cho Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh.

Số tiền lũy kế đến 31/12/2021 và 30/06/2022 mà Công ty phải thu Công ty Hùng Đại Dương là 9.619.339.517 VND. Khoản phải thu này hiện chưa được Công ty Hùng Đại Dương xác nhận. Do thời gian thuê mặt bằng từ Thành ủy TPHCM đã hết hạn trong năm 2021, mặt khác giữa Công ty và Công ty Hùng Đại Dương đang trong quá trình làm việc xác nhận khoản nợ và thủ tục thu hồi mặt bằng theo nội dung tại Nghị quyết số 09/2022/HĐQT/NQ ngày 21/07/2022 của Hội đồng Quản trị để bàn giao lại cho Thành ủy TPHCM do đó Công ty chưa xem xét ghi nhận doanh thu từ hoạt động hợp tác trong 06 tháng đầu năm 2022. Mặt khác, trên nguyên tắc thận trọng, Công ty thực hiện trích trước chi phí thuê mặt bằng nhà, đất trong kỳ với số tiền 1.996.363.638 VND, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến Khách sạn Ngọc Lan này sẽ được Công ty ghi nhận khi xác định quyền và nghĩa vụ các bên tại thời điểm bàn giao đất và mặt bằng trả lại cho Nhà nước.

31 . **NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

32 . **NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Sam Holdings	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Dây và cáp Sacom	Chung thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom	Chung thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	Công ty liên kết

Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	<u>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</u>	<u>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	304.770.976	213.834.895
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV	91.439.563	38.818.183
Công ty Cổ phần Sam Holdings	72.261.413	122.050.902
Công ty Cổ phần Dây và cáp Sacom	98.022.000	52.965.810
Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom	43.048.000	-

Giao dịch phát sinh trong kỳ (tiếp theo):

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Mua hàng hóa, vật tư	428.524.070	44.000.909
Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	428.524.070	44.000.909
Doanh thu hoạt động tài chính	-	10.131.085.000
Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	-	10.131.085.000
Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:		
	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng	69.838.000	10.700.000
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV	-	5.000.000
Công ty Cổ phần Sam Holdings	22.093.000	-
Công ty Cổ phần Dây và cáp Sacom	37.034.000	5.700.000
Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom	10.711.000	-
Phải thu khác	70.224.591.554	70.224.591.554
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH	70.224.591.554	70.224.591.554
Phải trả cho người bán	12.246.297	-
Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	12.246.297	-



Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ
15 Đường số 2, Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

32 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Chức vụ	Thông tin bổ nhiệm, miễn nhiệm	Số dư	
		Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VNĐ	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VNĐ
Ông Trần Việt Anh	Chủ tịch HĐQT	57.600.000	43.200.000
Ông Nguyễn Đông Hòa	Thành viên HĐQT	57.600.000	43.200.000
Ông Nguyễn Tiến Đạt	Thành viên HĐQT	57.600.000	43.200.000
Ông Phạm Xuân Thủy	Thành viên HĐQT	57.600.000	43.200.000
Ông Nguyễn Lâm Tùng	Thành viên HĐQT	57.600.000	-
Ông Nguyễn Quốc Anh	Tổng Giám đốc	412.287.000	287.566.000
Ông Hoàng Văn Bá	Thành viên HĐQT	266.643.000	164.209.000
Ông Lê Song Trọng Chính	Phó Tổng Giám đốc	234.554.000	164.209.000
Ông Trần Quốc Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	79.273.000	38.199.000
Ông Dư Hữu Danh	Thành viên HĐQT	-	85.343.000
Ông Huỳnh Ngọc Cách	Kế toán trưởng	64.995.000	-
Bà Nguyễn Thị Nguyễn	Phụ trách kế toán	Bổ nhiệm ngày 16/12/2021	-
	Trưởng ban Kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 04/01/2022	192.000.000
Bà Hồ Thị Ngọc Như	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 16/12/2021	135.994.000
	Thành viên BKS	Bổ nhiệm ngày 30/09/2021	-
Bà Nguyễn Thị Thu Tâm	Trưởng ban Kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 30/09/2021	192.000.000
	Thành viên BKS	38.400.000	28.800.000
Bà Vũ Thị Thanh Thủy	Thành viên BKS	Miễn nhiệm ngày 30/09/2021	28.800.000
		1.618.666.000	1.297.920.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

33 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH PwC (Việt Nam) kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được Công ty TNHH PwC (Việt Nam) soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.


Trần Thị Thu Hương
Người lập


Huỳnh Ngọc Cách
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Anh
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2022

